

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH



ISO 9001:2015

**Đánh giá tiến độ và cập nhật
KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
GIAI ĐOẠN 2023 – 2025, TẦM NHÌN 2030**

Trà Vinh, tháng 8 năm 2023

Số: 7049/QĐ-ĐHTV

Trà Vinh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn 2030 tại Trường Đại học Trà Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Nghị Quyết 07/NQ-HĐT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh và Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh về phiên họp thứ bảy Hội đồng trường, nhiệm kỳ 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh về Phê duyệt Bản đánh giá và cập nhật Kế hoạch chiến lược Trường Đại học Trà Vinh giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn 2030;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp và Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chiến lược phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn 2030 tại Trường Đại học Trà Vinh.

Điều 2. Kế hoạch chiến lược là văn bản tham chiếu quan trọng, là kim chỉ nam cho tất cả các hoạt động của Nhà trường. Thực hiện Kế hoạch chiến lược là nhiệm vụ của toàn thể viên chức, giảng viên và người lao động tại Trường Đại học Trà Vinh.

Hàng năm, Kế hoạch chiến lược sẽ được xem xét đánh giá tiến độ thực hiện và được cập nhật theo tình hình thực tế của Nhà trường và xã hội.

Giao Phòng Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm điều phối, giám sát tiến độ và tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ban Giám hiệu.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường;
- Hội đồng tư vấn;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hòa

Phần I. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG

1. Tầm nhìn

Là đại học tiên tiến định hướng ứng dụng điển hình xuất sắc, đặc thù, hội nhập quốc tế.

2. Sứ mạng

Trường Đại học Trà Vinh đào tạo đa ngành, đa cấp, liên thông, đáp ứng đa dạng nhu cầu của người học; nghiên cứu khoa học; phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phục vụ xã hội; góp phần quan trọng làm tăng cơ hội việc làm, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. Mục tiêu định hướng

Người học thành đạt; Viên chức hạnh phúc; Nhà trường chất lượng; Cộng đồng phát triển.

4. Giá trị cốt lõi

Tận tâm – Minh bạch – Sáng tạo – Thân thiện

5. Phương châm hoạt động

“Mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng”.

6. Triết lý giáo dục



“Trên cơ sở năng lực được đào tạo phù hợp thực tế, có đạo đức, có trách nhiệm, người học sẽ phát triển cá nhân và xã hội tốt hơn”

Trường Đại học Trà Vinh tin rằng giáo dục và đào tạo là nền tảng của xã hội, kết quả của giáo dục và đào tạo không chỉ làm phát triển cá nhân, hướng tới cuộc sống tốt hơn mà còn thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội.

Chương trình đào tạo của Trường được thiết kế và phát triển theo hướng đào tạo năng lực cho người học với khối lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ được tham vấn từ các bên liên quan (gồm doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng, người lành nghề, các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, ...) nhằm đảm bảo người học được trang bị năng lực phù hợp thực tế để tham gia vào lực lượng lao động của xã hội.

Nhà trường tin rằng việc xây dựng hệ thống giảng dạy và học tập trên cơ sở **Người học là trung tâm** (Student – Centered) sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học hoạch định kế hoạch học tập phù hợp để phát huy tiềm năng, thể mạnh của mình cũng như thúc đẩy quá trình tự rèn luyện và tinh thần trách nhiệm với việc học tập của bản thân, qua đó hình thành nhận thức và khả năng học tập suốt đời.

Trường Đại học Trà Vinh xác định việc đào tạo kỹ năng cho người học theo định hướng như sau: Năng lực của người học sẽ dần được hình thành thông qua việc học tập và rèn luyện kỹ năng chuyên môn với hệ thống thực hành, thí nghiệm tại phòng thí nghiệm, các trạm, trại thực hành; cùng quá trình thực tập thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan đơn vị theo mô hình kết hợp đào tạo (CO-OP). Bên cạnh đó, để thúc đẩy nâng cao năng lực học tập của người học một cách tích cực, Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi từ sự hỗ trợ của giảng viên đến sự hỗ trợ kinh phí để người học chủ động thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học theo chuyên ngành được đào tạo; tiếp cận các vấn đề thực tế của xã hội, sự phát triển của khoa học, công nghệ, các thách thức của thời đại, ... và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh phát triển kỹ năng chuyên môn, việc rèn luyện kỹ năng hỗ trợ, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội có vai trò rất quan trọng. Trường Đại học Trà Vinh tin rằng: đây chính là công cụ thiết yếu giúp người học tương tác với xã hội, triển khai áp dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào hoạt động nghề nghiệp. Do đó, nhóm các kỹ năng hỗ trợ, kiến thức và kỹ năng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội được thiết kế tích hợp vào chương trình đào tạo của Nhà trường.

7. CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Hiệu trưởng cùng toàn thể viên chức, giảng viên của Trường cam kết:

1. Đào tạo theo nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động với sự tham gia của các bên liên quan.
2. Người học là đối tượng trung tâm luôn được đảm bảo quyền lợi tốt nhất trong học tập, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, cơ hội việc làm và các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường.
3. Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và các đối tác trong và ngoài nước.
4. Duy trì và phát triển môi trường làm việc công khai, minh bạch, đảm bảo mọi thành viên của nhà trường được phát huy tối đa năng lực của mình.
5. Duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ trên nền tảng Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001 và tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của quốc gia và quốc tế.
6. Vận dụng linh hoạt và phát triển mô hình Trường Cao đẳng - Đại học cộng đồng Bắc Mỹ.

Phần II. XU THẾ KINH TẾ, VĂN HOÁ – XÃ HỘI; GIÁO DỤC ĐÀO TẠO; KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Toàn cầu hoá trên xu thế hoà bình và hợp tác kinh tế ngày càng phát triển sâu rộng, mang đến nhiều cơ hội hợp tác trên nhiều lĩnh vực hoạt động (khoa học, công nghệ, kinh tế, giáo dục,) với tầm hoạt động đa quốc gia, tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, song hành với quá trình phát triển này là xu thế cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi phải có sự đầu tư ngang tầm ở mọi lĩnh vực đời sống xã hội nói chung và giáo dục đào tạo nói riêng.

Với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thế giới đã và đang thay đổi mạnh mẽ; các hoạt động đời sống xã hội và sản xuất đã và đang diễn ra với sự chi phối toàn diện bởi sự tự động hóa, hệ thống mạng internet, ...; kinh tế tri thức là động lực cho sự phát triển xã hội.

Xét riêng lĩnh vực giáo dục và đào tạo, sự phát triển của khoa học và công nghệ; từ tác động của dịch bệnh, các vấn đề về môi trường, sự biến đổi khí hậu, ... đã làm thay đổi mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục trong các nhà trường; đồng thời đòi hỏi ngành giáo dục phải cung cấp được nguồn nhân lực có trình độ cao phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Hiện nay, Việt Nam đã hội nhập quốc tế mạnh mẽ và toàn diện, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế đã được nâng cao, mang đến nhiều cơ hội phát triển mạnh mẽ cho nền kinh tế - xã hội của quốc gia. Vận hành cùng với sự phát triển của thế giới, nền kinh tế tri thức đóng vai trò trọng tâm, nắm bắt khoa học và công nghệ là nhu cầu cấp thiết trên phạm vi cả nước. Ở tầm nhìn gần hơn về khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), với diện tích khoảng 4 triệu hécta đất tự nhiên, ĐBSCL có cơ cấu hành chính gồm 13 tỉnh, thành, là vùng đất giàu tiềm năng phát triển kinh tế, là vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản lớn nhất cả nước, có vị trí đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước.

Là một tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, Tỉnh Trà Vinh có nhiều thế mạnh về phát triển nuôi trồng thủy sản, cây ăn trái và nông nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay việc nghiên cứu

khoa học, ứng dụng vào sản xuất và đời sống còn hạn chế, đặc biệt là ứng dụng các công nghệ cao vào sản xuất công nghiệp và dịch vụ cộng đồng. Thấy được những khó khăn đó, tỉnh Trà Vinh đã ban hành những cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 cũng đã xác định các nhiệm vụ, giải pháp về kinh tế, văn hoá – xã hội nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

- Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.
- Phân đầu đưa Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế để kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững.
- Đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người.
- Phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là động lực chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.
- Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin và truyền thông.
- Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số và phát triển; gia đình và trẻ em.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Phần III. Kết quả triển khai KHCL giai đoạn 2018 – 2025

Chiến lược	Mục tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện theo các chỉ số
1. Tăng cường khẳng định thương hiệu (uy tín, danh tiếng) Trường Đại học Trà Vinh®	1.1 Nâng cao vị thế và danh tiếng về học thuật	Đạt 5/6 chỉ số
	1.2. Khẳng định hình ảnh Nhà Trường thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, các phong trào và phương thức tăng cường tương tác giữa nhà trường và sinh viên cũng như giữa nhà trường và các nhà khoa học.	Đạt 5/6 chỉ số
2. Đổi mới và đồng bộ các chính sách, cơ chế trong quản lý nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hiệu lực mọi mặt công tác tạo nền tảng phát huy sự tự chủ của Nhà trường.	2.1. Xác lập “mô hình tương tác nội bộ” theo hình thức “cung cấp dịch vụ” thay cho hình thức “quản lý”	Đạt 3/4 chỉ số
	2.2. Nâng cao hiệu lực của các chính sách và cơ chế quản lý của Nhà trường	Đạt 2/3 chỉ số
	2.3 Nâng cao mức độ thực hiện cơ chế tự chủ cho các Khoa	Đang thực hiện 03 chỉ số
3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, công cụ và tài liệu hỗ trợ giảng dạy; tinh gọn và chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán	3.1 Phát triển và thu hút lực lượng GV có học vị tiến sĩ và học hàm từ PGS trở lên đáp ứng yêu cầu của từng CTĐT	Đạt 1/3 chỉ số và tiếp tục thực hiện
	3.2 Phát triển nguồn tài liệu E-Learning	Đạt
	3.3 Tăng cường năng lực quản lý cho cán bộ quản lý các đơn vị thuộc Trường	Chưa đạt các chỉ số

bộ hỗ trợ; nâng cao năng lực quản lý các cấp.	3.4 Cơ cấu lại bộ máy quản lý cấp Trường theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp	Đạt 1/2 chỉ số và tiếp tục thực hiện
	3.5. Tạo chuyển biến đột phá về mức độ ứng dụng CNTT trong toàn Trường	Đang thực hiện
4. Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với định hướng ứng dụng, yêu cầu của “ <i>công nghệ 4.0</i> ”, sự phát triển của xã hội, hội nhập quốc tế và yêu cầu kiểm định chất lượng quốc gia và quốc tế.	4.1 Đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp CTĐT theo các tiêu chuẩn quốc tế	Đạt 2/3 chỉ số
	4.2 Cập nhật CTĐT theo yêu cầu từ các bên liên quan	Đạt 2/3 chỉ số
	4.3 Phát triển môi trường học tập và môi trường nghiên cứu tích cực	Đang thực hiện
	4.4 Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học	Đạt
5. Thúc đẩy mạnh mẽ tần suất và số lượng công bố khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế; nâng cao mức độ phục vụ cộng đồng.	5.2 Tăng cường công bố khoa học của giảng viên có học vị tiến sĩ	Đạt 1/2 chỉ số
	5.3 Tăng cường công bố khoa học của giảng viên có học vị thạc sĩ	Đạt 1/2 chỉ số
	5.4 Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công bố khoa học của nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên	Đang triển khai
	5.5 Phát triển việc nghiên cứu theo đặt hàng và chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ cho cộng đồng	Đạt

6. Tạo sự chuyển biến đột phá trong hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên, sinh viên; đẩy mạnh xúc tiến các dự án phát triển nguồn lực của Trường.	6.1 Tăng cường việc trao đổi GV với các viện, trường quốc tế	Đang triển khai
	6.2 Tăng cường việc trao đổi SV với các viện, trường quốc tế	Đang triển khai
	6.3 Tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế tại Trường	Đạt
	6.4 Đẩy mạnh việc hợp tác thực hiện các dự án nghiên cứu quốc tế	Đang triển khai
	6.5 Tăng cường tìm kiếm các dự án hợp tác đào tạo/nghiên cứu/đề nghị tài trợ	Đang triển khai

Phần IV. NGUỒN LỰC - THỂ MẠNH VÀ TIỀM NĂNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Nhân lực

- Trình độ chuyên môn cao ở nhiều lĩnh vực về khoa học, kỹ thuật, công nghệ.
- Năng lực NCKH tốt
- Khả năng chuyên giao kỹ thuật – công nghệ (đã có sản phẩm chuyên giao)

2. Cơ sở vật chất, thiết bị

- Đáp ứng đa dạng cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học
- Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cơ bản tốt, được đầu tư bổ sung hàng năm
- Chủ động phát triển, điều chỉnh, nâng cấp các ứng dụng do nguồn nhân lực tại chỗ.

3. Tiềm năng

- Nhà trường được chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục
- Nhiều chương trình đào tạo của Trường đạt kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế: AUN-QA, FIBAA, ABET
- Năng lực phát triển chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ, Văn hoá Khmer Nam Bộ
- Nhiều đối tác quốc tế đã ký kết MOU với Nhà Trường
- Bệnh viện Đại học Trà Vinh đang dần phát triển

Phần V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN 2025 VÀ TẦM NHÌN 2030

Định hướng xây dựng chiến lược: *“Phát huy điểm mạnh, nâng cao giá trị, khẳng định sự xuất sắc của Nhà trường, phát triển mô hình Đại học tiên tiến”*.

A. CHIẾN LƯỢC TỔNG

Chiến lược <i>(Chuyển nguồn lực thành giá trị)</i>	Giá trị (kết quả mong đợi)	
	Đầu ra (output)	Tác động (Impact)
1. Nâng cao chất lượng đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo và kiểm định chất lượng cấp trường và cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; - Phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến - Đạt và duy trì chứng nhận chất lượng cấp trường và cấp chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tốt nghiệp được quốc tế công nhận trong học tập nâng cao trình độ; trong tuyển dụng - Thu hút được người học tham gia các chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao, liên kết quốc tế
2. Phát triển mạnh nguồn nhân lực trình độ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo đủ số lượng nhân lực trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đáp ứng yêu cầu phát triển và thực hiện các chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình chất lượng cao của Nhà trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực nghiên cứu khoa học đáp ứng đa dạng các yêu cầu triển khai các đề tài nghiên cứu sâu về khoa học, kỹ thuật, công nghệ; giải quyết các thực tế của doanh nghiệp; hợp tác quốc tế; ...

Chiến lược <i>(Chuyển nguồn lực thành giá trị)</i>	Giá trị (kết quả mong đợi)	
	Đầu ra (output)	Tác động (Impact)
	- Thu hút được nhân lực quốc tế có trình độ cao	- Đảm bảo sự chủ động, ổn định, phát triển toàn diện Nhà trường
3. Thúc đẩy nghiên cứu, công bố khoa học; nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu khoa học.	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành; - Tạo được sản phẩm giá trị (phương pháp khoa học, quy trình kỹ thuật, giải pháp công nghệ, sản phẩm cụ thể) - Quy mô công bố khoa học duy trì và phát triển hàng năm; đáp ứng yêu cầu đào tạo, phục vụ cộng đồng và phát triển Nhà trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng được chuyển giao áp dụng thực tế các sản phẩm nghiên cứu khoa học - Các chương trình hợp tác, giải quyết các vấn đề về khoa học, kỹ thuật với doanh nghiệp; hợp tác nghiên cứu với các viện trường trong và ngoài nước được triển khai. - Sản phẩm nghiên cứu khoa học được thương mại hoá - Nhà trường đủ điều kiện tham gia các bảng xếp hạng quốc tế uy tín như THE, QS - ...
4. Phát triển hệ thống phục vụ người học và cộng đồng	- Mỗi Khoa đều triển khai được ít nhất 01 thể mạnh trong phục vụ người học và cộng đồng theo đặc thù chuyên môn của các khoa.	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng sử dụng và thụ hưởng các tiện ích từ hệ thống phục vụ của Nhà trường; - Vai trò và uy tín của Nhà trường đối với cộng đồng được nâng cao

Chiến lược <i>(Chuyển nguồn lực thành giá trị)</i>	Giá trị (kết quả mong đợi)	
	Đầu ra (output)	Tác động (Impact)
		<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng nhận diện thương hiệu - ...
5. Chuyển đổi số đồng bộ trong quản trị và trong thực hiện chức năng của Trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành bộ cơ sở dữ liệu lớn có tính đồng bộ, liên thông. - Công tác quản trị và các hoạt động chức năng của Trường được triển khai qua hệ sinh thái các ứng dụng trên các nền tảng số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người học chủ động trong việc học tập, tiếp cận thông tin, nguồn học liệu, tiết kiệm chi phí; - Thay đổi các phương thức tương tác truyền thống sang tương tác môi trường số - Hệ thống dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành hoạt động Nhà trường, yêu cầu tiếp cận thông tin từ người học, các đối tác và các bên liên quan, - Đáp ứng yêu cầu triển khai Đại học số, trụ cột cho Mô hình Đại học tiên tiến.
6. Phát triển đặc thù đào tạo văn hoá, ngôn ngữ, nghệ thuật Khmer Nam Bộ	- Phát triển trường trọng điểm quốc gia đào tạo văn hoá, ngôn ngữ, nghệ thuật Khmer Nam Bộ	- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học về ngôn ngữ, văn hoá, nghệ thuật Khmer Nam Bộ và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Chiến lược <i>(Chuyển nguồn lực thành giá trị)</i>	Giá trị (kết quả mong đợi)	
	Đầu ra (output)	Tác động (Impact)
	- Hợp tác đào tạo giữa Việt Nam và Campuchia	- Góp phần bảo tồn, phát huy ngôn ngữ, văn hoá, nghệ thuật các dân tộc ở Việt Nam - Nâng cao hợp tác trong giáo dục, đào tạo giữa Việt Nam và Campuchia
CƠ SỞ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC TỪ YẾU TỐ BÊN NGOÀI		
<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng phù hợp với thực tiễn phát triển khoa học, công nghệ; kinh tế, xã hội; giáo dục đại học; ... - Quá trình phát triển trường đại học thành đại học theo Luật Giáo dục đại học - Yêu cầu kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo - Phát triển Đại học tiên tiến theo Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI 		

TỔNG HỢP CHIẾN LƯỢC TỔNG VÀ CHIẾN LƯỢC THÀNH PHẦN

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
1. Nâng cao chất lượng đào tạo <u>Output:</u> - Đảm bảo và kiểm định chất lượng cấp trường và cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; - Phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến - Đạt và duy trì chứng nhận chất lượng cấp	1. Nâng cao chất lượng đào tạo	19.419.000	Trường NN-VH-NT KHMER NB & NV	01
	1. Nâng cao chất lượng đào tạo	28.647.910	Khoa Kỹ thuật công nghệ	02
	1. Đảm bảo và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo do Khoa quản lý theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; Đảm bảo chất lượng giảng dạy các môn học đại cương đáp ứng chuẩn đầu ra.	54.300.000	Khoa Khoa học Cơ bản	03
	1. Đảm bảo và kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế	1.306.000	Khoa Hoá học ứng dụng	04
	1. Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo	6.656.000	Khoa Nông nghiệp Thủy sản	05

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
trường và cấp chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế	1. Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, yêu cầu kiểm định trong và ngoài nước	15.555.000	Khoa Răng Hàm Mặt	06
	3. Đảm bảo và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; Phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao	1.000.000	Khoa Y – Dược	07
	1. Nâng cao chất lượng đào tạo	3.090.000	Trung tâm Logistics và TMĐT	08
	5. Phát triển nguồn học liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập.	4.593.000	Trường Kinh tế Luật	09
	1. Duy trì CTĐT và đảm bảo chất lượng giảng dạy các học phần thuộc Khoa quản lý	211.000	Khoa Lý luận chính trị	10
	2. Phát triển chương trình đào tạo theo hướng 2+, hợp tác liên kết với chương trình đào tạo Quốc tế	200.000	Viện Khoa học Công nghệ Môi trường	11

Chiến lược phát triển Trường ĐHTV giai đoạn 2023 – 2025, tầm nhìn 2030

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
	Cộng:	134.977.910		
2. Phát triển mạnh nguồn nhân lực trình độ cao Output: - Đảm bảo đủ số lượng nhân lực trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đáp ứng yêu cầu phát triển và thực hiện các chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình chất lượng cao của Nhà trường - Thu hút được nhân lực quốc tế có trình độ cao	2. Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao	9.606.800	Trường NN-VH-NT KHMER NB & NV	01
	3. Liên tục nâng cao chất lượng đội ngũ	10.000.000	Khoa Kỹ thuật công nghệ	02
	2. Phát triển mạnh nguồn nhân lực có trình độ cao (tiến sĩ, Phó Giáo sư).	2.773.300	Khoa Khoa học Cơ bản	03
	2. Phát triển mạnh nguồn nhân lực có trình độ cao	400.000	Khoa Hoá học ứng dụng	04
	2. Phát triển mạnh nguồn nhân lực có trình độ cao.	5.922.000	Khoa Nông nghiệp Thủy sản	05
	2. Phát triển mạnh nguồn nhân lực có trình độ cao	4.572.000	Khoa Răng Hàm Mặt	06
	1. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao (tiến sĩ, Phó Giáo sư, Giáo sư)	1.350.000	Khoa Y – Dược	07
	Không xác định			Trung tâm Logistics và TMĐT

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
	Đặt mục tiêu cụ thể (không xác định chiến lược): 1.1.1 Tăng cường đào tạo dài hạn và ngắn hạn	19.140.000	Trường Kinh tế Luật	09
	2. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao (tiến sĩ)	2.488.000	Khoa Lý luận chính trị	10
	1. Phát triển mạnh nguồn nhân lực có trình độ cao	340.000	Viện Khoa học Công nghệ Môi trường	11
	Cộng:	56.592.100		
3. Thúc đẩy nghiên cứu, công bố khoa học; nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu khoa học.	3. Thúc đẩy nghiên cứu, công bố khoa học; nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu khoa học.	5.213.000	Trường NN-VH-NT KHMER NB & NV	01
	2. Nâng cao hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	20.000.000	Khoa Kỹ thuật công nghệ	02
<u>Output:</u>	3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và các chương trình hợp tác.	1.260.000	Khoa Khoa học Cơ bản	03

Chiến lược phát triển Trường ĐHTV giai đoạn 2023 – 2025, tầm nhìn 2030

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
- Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành; - Tạo được sản phẩm giá trị (phương pháp khoa học, quy trình kỹ thuật, giải pháp công nghệ, sản phẩm cụ thể) - Quy mô công bố khoa học duy trì và phát triển hàng năm; đáp ứng yêu cầu đào tạo, phục vụ cộng đồng và phát triển Nhà trường	3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành; nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu khoa học	6.005.000	Khoa Hoá học ứng dụng	04
	3. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.	8.300.000	Khoa Nông nghiệp Thủy sản	05
	3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học; nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu	990.000	Khoa Răng Hàm Mặt	06
	2. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành.	450.000	Khoa Y – Dược	07
	Không xác định		Trung tâm Logistics và TMĐT	08
	1. Phát triển các hoạt động học thuật và nghiên cứu khoa học.	5.073.000	Trường Kinh tế Luật	09

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
	3. Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	990.000	Khoa Lý luận chính trị	10
	3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong giảng viên - sinh viên	50.000	Viện Khoa học Công nghệ Môi trường	11
	Cộng:	48.331.000		
4. Phát triển hệ thống phục vụ người học và cộng đồng. <u>Output:</u> - Mỗi Khoa đều triển khai được ít nhất 01 thể mạnh trong phục vụ người học và cộng đồng theo đặc thù chuyên môn của các khoa.	Không xác định		Trường NN-VH-NT KHMER NB & NV	01
	Không xác định		Khoa Kỹ thuật công nghệ	02
	4. Phát triển hệ thống phục vụ người học và cộng đồng về thể dục thể thao; tư vấn tâm lý; ...	3.468.000	Khoa Khoa học Cơ bản	03
	Không xác định		Khoa Hoá học ứng dụng	04
	4. Đẩy mạnh hoạt động gắn kết cộng đồng và nghiên cứu các sản phẩm có tiềm năng của khoa nhằm từng bước thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ cho cộng đồng.	929.500	Khoa Nông nghiệp Thủy sản	05

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
	4. Đẩy mạnh công tác phục vụ cộng đồng	545.000	Khoa Răng Hàm Mặt	06
	Không xác định		Khoa Y – Dược	07
	Không xác định		Trung tâm Logistics và TMĐT	08
	3. Phát triển hoạt động hợp tác trong và ngoài nước	10.240.000	Trường Kinh tế Luật	09
	3. Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng* .	277.000	Khoa Lý luận chính trị	10
	5. Đẩy mạnh phát triển lĩnh vực tư vấn, sản xuất, dịch vụ, CGCN phục vụ nhu cầu xã hội.	240.000	Viện Khoa học Công nghệ Môi trường	11
	Cộng:		15.699.500	
5. Chuyển đổi số đồng bộ trong quản trị và trong thực hiện chức năng của Trường.	Chuyển đổi số đồng bộ trong quản trị và trong thực hiện chức năng (đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng) của Trường → Đủ khả năng Tham gia mạng lưới giáo dục đại học số tại Việt Nam.	112.660.000	Phòng Công nghệ thông tin	12

Chiến lược phát triển Trường ĐHTV giai đoạn 2023 – 2025, tầm nhìn 2030

Chiến lược Tổng	Chiến lược thành phần	Nhu cầu kinh phí (đơn vị 1.000đ)	Đơn vị phát triển và thực hiện chiến lược thành phần	Mã Đv
6. Phát triển đặc thù đào tạo văn hoá, ngôn ngữ, nghệ thuật Khmer Nam Bộ	4. Phát triển Trường NN-VH-NT Khmer NN & NV thành trường trọng điểm quốc gia	9.500.000	Trường NN-VH-NT KHMER NB & NV	01

V. Tổng kinh phí ước lượng

Nội dung	Kinh phí <i>(đơn vị tính 1.000đ)</i>	Thời gian thực hiện (năm – năm)
1. Chiến lược 1	134.977.910	2023 - 2025
2. Chiến lược 2	56.592.100	2023 - 2025
3. Chiến lược 3	48.331.000	2023 - 2025
4. Chiến lược 4	15.699.500	2023 - 2025
5. Chiến lược 5	112.660.000	2023 - 2030
6. Chiến lược 6	9.500.000	2023 - 2025
Cộng:	377.760.510	2023 – 2030
<i>Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy tỉ, bảy trăm sáu mươi triệu, năm trăm mười ngàn đồng</i>		



HỘI TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hòa

B. CHIẾN LƯỢC THÀNH PHẦN